

ÁP DỤNG AN TOÀN SINH HỌC TẠI CÁC HỘ CHĂN NUÔI LỢN Ở HUNG YÊN VÀ NGHỆ AN

*Phạm Hồng Ngân¹, Dương Văn Nhiệm¹, Vũ Thị Thu Trà¹,
Ngô Minh Hà¹, Đinh Phương Nam¹, Unger Fred²*

TÓM TẮT

Chương trình khảo sát về áp dụng an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi lợn ở Hưng Yên và Nghệ An được tiến hành từ tháng 3 đến hết tháng 12 năm 2014, trong đó 60 hộ chăn nuôi lợn được lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách các hộ đã tham gia khảo sát nhanh năm 2013. Thông tin về việc áp dụng an toàn sinh học, quản lý chuồng nuôi, điều kiện làm việc cũng như bảo quản thức ăn chăn nuôi của mỗi hộ chăn nuôi được thu thập thông qua bảng quan sát checklist, được tiến hành 2 tuần/lần. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các hộ chăn nuôi không hạn chế người ngoài tham quan chuồng (69,7%), không sử dụng hồ sát trùng (54,0%) hoặc nếu có sử dụng thì cũng không duy trì liên tục, không mặc đồ bảo hộ và đi ủng khi làm việc trong chuồng (81,2%), lợn con không được cung cấp chất độn chuồng (88,8%) và sưởi ấm (74,1%) trong mùa lạnh, nước uống không cung cấp đủ cho lợn (48,0%), thức ăn chăn nuôi không được che đậy, bảo quản hợp lý dẫn tới thức ăn bị ẩm mốc (49,4%) và chuột bọ (47,9%). Pha tiếp sau của dự án sẽ tập trung vào các giải pháp nhằm tăng cường việc quản lý và áp dụng an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi lợn.

Từ khóa: Hộ chăn nuôi lợn, An toàn sinh học, Quản lý trại

Application of biosecurity in small scale pig farm in Hung Yen and Nghe An provinces

*Pham Hong Ngan, Duong Van Nhiem, Vu Thi Thu Tra,
Ngo Minh Ha, Dinh Phuong Nam, Unger Fred*

SUMMARY

A survey on application of biosecurity in small scale pig farm in Hung Yen and Nghe An was carried out from March to December, 2014. Sixty household farms were selected randomly from the list of the farms that participated in the survey in 2013 in two provinces. Information on biosecurity measures, farm management, working and feed storage conditions were collected through the checklist survey sheets that were carried out for one time in every 2 weeks. The surveyed results showed that control of the visitor was not applied in most of the farms (69.7%), disinfection mattresses were not installed and maintained (54.0%), the farm workers usually did not wear protective clothes and boots during working time (81.2%), litter were not provided for the piglets (88.8%) and lack of heat sources (74.1%) during the cold period, water was not available at all time and in all barns (48.0%), feed was not properly covered and stored, therefore feed was effected by yeast-moisture (49.4%), rodent/pest (47.9%). The observed gaps in farm management and biosecurity practice will be addressed in the coming intervention phase.

Keywords: Smallholder pig farms, Biosecurity, Farm management

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện tại chăn nuôi lợn vẫn đang phát triển và

đóng vai trò quan trọng trong ngành chăn nuôi ở Việt Nam, đặc biệt là đối với các hộ chăn nuôi nhỏ. Chính nhu cầu cao về tiêu thụ thịt lợn đã dẫn tới sự gia tăng số đầu lợn trong cả nước.

¹. Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

². Viện nghiên cứu chăn nuôi quốc tế (ILRI)

Theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO, 2014), tổng đàn lợn của cả nước có hơn 27 triệu con, được phân bố khắp các vùng địa lý, trong đó vùng Đồng bằng châu thổ sông Hồng có số lượng lợn nhiều nhất với hơn 7 triệu con.

Đối với đa số hộ gia đình ở vùng nông thôn thì chăn nuôi lợn là nguồn thu nhập chính. Tuy nhiên, hầu hết các hộ chăn nuôi nhỏ đều sử dụng hệ thống chăn nuôi mở, thiếu kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến cũng như các biện pháp phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và chuồng trại.

Đa số người chăn nuôi không nắm rõ được lợi ích của việc kiểm soát dịch bệnh, khi dịch bệnh xảy ra, một số người không báo cho chính quyền địa phương, họ tự chữa trị cho vật nuôi, thậm chí là bán chạy lợn ốm. Thêm vào đó, người dân cũng không coi trọng việc vệ sinh tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi cũng như phương tiện vận chuyển. Do vậy mà dịch bệnh trên lợn vẫn xảy ra, nhiều vụ dịch lan rộng dài ngày và gây tổn thất lớn về kinh tế.

Để giảm thiểu nguy cơ xâm nhập của mầm bệnh vào trang trại cũng như sự lan truyền của mầm bệnh thì việc áp dụng an toàn sinh học là điều thiết yếu (Amass và Clark, 1999), đồng thời, tầm quan trọng của an toàn sinh học ở trang trại đã được chỉ ra qua nhiều nghiên cứu (Costard và cs, 2009, Hernandez-Jover, 2008, Nöremark và Sternberg-Lewerin, 2014). Tuy nhiên, các trang trại lớn thường áp dụng an toàn sinh học tốt hơn so với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ (Nöremark và cs, 2010, Sahlström và cs, 2014, Simon-Grifé và cs, 2013). Vì vậy, để có thể đưa ra được những khuyến cáo và nâng cao an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi, với mục tiêu giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh trên đàn lợn, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích đánh giá áp dụng an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi lợn, từ đó xác định các biện pháp tiềm năng nhằm tăng cường kiểm soát dịch bệnh. Nghiên cứu này là một phần của dự án “Giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh và nâng cao an toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị thịt lợn đối với các tác nhân quy mô nhỏ ở Việt Nam”.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Khảo sát việc áp dụng an toàn sinh học, quản lý chuồng nuôi, điều kiện làm việc cũng như việc lưu trữ thức ăn chăn nuôi của các hộ nuôi lợn tại Hưng Yên và Nghệ An.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

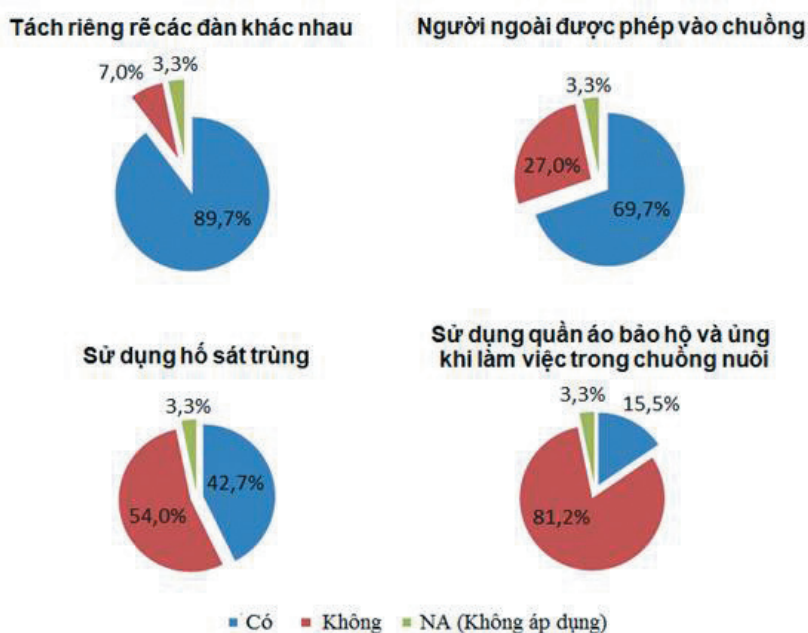
Nghiên cứu theo chiều dọc (longitudinal survey) được tiến hành từ tháng 3 đến hết tháng 12 năm 2014 ở Hưng Yên và Nghệ An. Địa điểm nghiên cứu là 3 xã thuộc Hưng Yên (gồm Minh Phụng, Nhuế Dương, Tân Tiến) và 3 xã thuộc Nghệ An (gồm Diễn Nguyên, Thượng Sơn, Hưng Đạo). Tổng số 60 hộ chăn nuôi lợn được chọn ngẫu nhiên từ danh sách các hộ đã tham gia phỏng vấn, khảo sát nhanh năm 2013, với mỗi xã có 10 hộ được chọn.

Thông tin về việc áp dụng an toàn sinh học, quản lý chuồng nuôi, điều kiện làm việc cũng như việc lưu trữ thức ăn chăn nuôi của mỗi hộ chăn nuôi được thu thập thông qua bảng quan sát checklist, được tiến hành 2 tuần/lần. Trong trường hợp khi tới khảo sát các hộ chăn nuôi vào đúng ngày chủ hộ đã bán hết lợn thì “NA” (không áp dụng) sẽ được điền vào checklist.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Áp dụng an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi lợn

Những biện pháp an toàn sinh học quan trọng nhất là những biện pháp nhằm giảm thiểu nguy cơ xâm nhập của mầm bệnh vào trang trại thông qua thăm viếng của con người. Tuy nhiên, qua khảo sát chúng tôi thấy rằng phần lớn các hộ chăn nuôi trong suốt thời gian khảo sát đều cho khách vào xem chuồng trại mà không áp dụng bất kỳ biện pháp kiểm soát nào (đi ủng, mặc quần áo bảo hộ), chiếm tới 69,7%. Bên cạnh đó, chỉ có 42,7% các hộ được khảo sát là có sử dụng hồ sát trùng, tuy nhiên không phải lúc nào các hộ này cũng duy trì sử dụng. Đồng thời chỉ có một phần nhỏ (15,5%) sử dụng quần áo bảo hộ và ủng khi làm việc trong chuồng nuôi (Hình 1).



Hình 1. Áp dụng an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi lợn

Phân tích số liệu đã chỉ ra có sự khác biệt về việc áp dụng an toàn sinh học giữa các hộ chăn nuôi ở Hưng Yên và Nghệ An. Hầu hết các hộ ở Hưng Yên áp dụng việc tách riêng rẽ các đàn khác nhau (97%) và 61,1% cho phép người ngoài vào thăm chuồng, trong khi đó ở

Nghệ An số liệu thu được lần lượt là 88,6% và 82,2%. Tuy nhiên, chỉ có 7,6% số lần quan sát các hộ ở Hưng Yên là có thấy mặc quần áo bảo hộ khi làm việc trong chuồng, còn ở Nghệ An là 23,9%. Không có sự khác biệt về việc sử dụng hố sát trùng ở Hưng Yên và Nghệ An (Bảng 1).

Bảng 1. Áp dụng an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi lợn ở Hưng Yên và Nghệ An

Phương pháp	Hưng Yên (% số lần quan sát)	Nghệ An (% số lần quan sát)
Tách riêng rẽ các đàn khác nhau	97,0 ^b	88,6 ^a
Người ngoài được phép vào thăm chuồng nuôi	61,1 ^b	82,2 ^a
Sử dụng hố sát trùng	43,2 ^a	45,0 ^a
Mặc quần áo bảo hộ và đi ủng khi làm việc trong chuồng	7,6 ^b	23,9 ^a

Ghi chú: a, b Những chữ số trong cùng một hàng có chữ cái mũ khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)

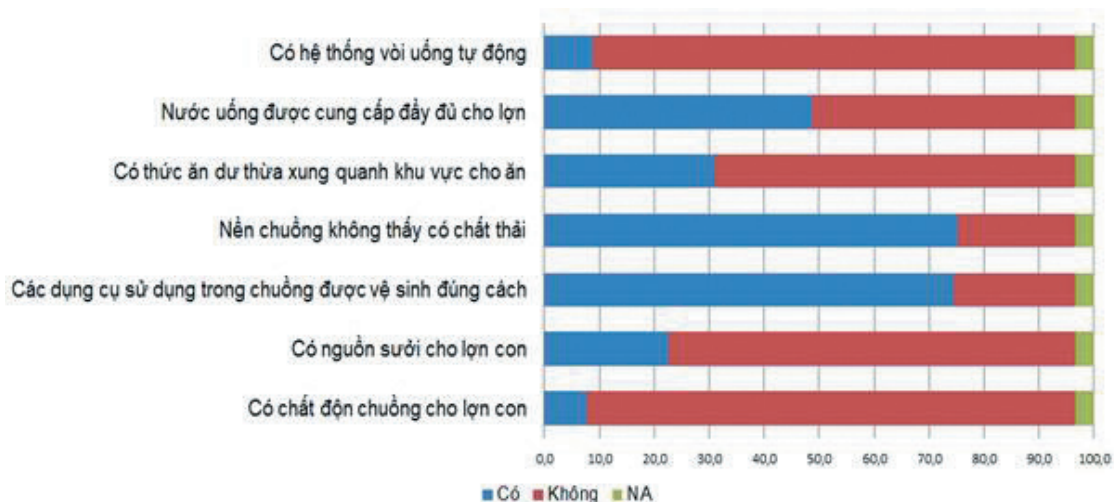
3.2. Quản lý chuồng nuôi

Trên thực tế, việc sử dụng chất độn chuồng cũng như hệ thống sưởi cho lợn con là cần thiết trong mùa lạnh. Tuy nhiên qua theo dõi các hộ

chăn nuôi, chúng tôi nhận thấy các hộ chăn nuôi thường không sử dụng chất độn chuồng cho lợn con (88,9%) cũng như không có đèn sưởi (74,1%). Các dụng cụ sử dụng trong chuồng hầu

như không được vệ sinh đúng cách qua cả đợt theo dõi. Thêm nữa, chuồng trại không được vệ sinh, có tới 21,5% số lần quan sát thấy có chất thải trên nền chuồng. Ngoài ra, trong số 60 hộ

quan sát chỉ có 6 hộ sử dụng vòi uống tự động cho lợn, đồng thời chỉ có 48,7% số lần quan sát thấy nước uống được cung cấp đầy đủ cho lợn trong chuồng nuôi (Hình 2).



Hình 2. Quản lý chuồng nuôi tại các hộ chăn nuôi

Nhìn chung, việc quản lý chuồng nuôi của các hộ ở Hưng Yên tốt hơn so với ở Nghệ An.

Kết quả trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Thông tin về quản lý chuồng nuôi tại các hộ ở Hưng Yên và Nghệ An

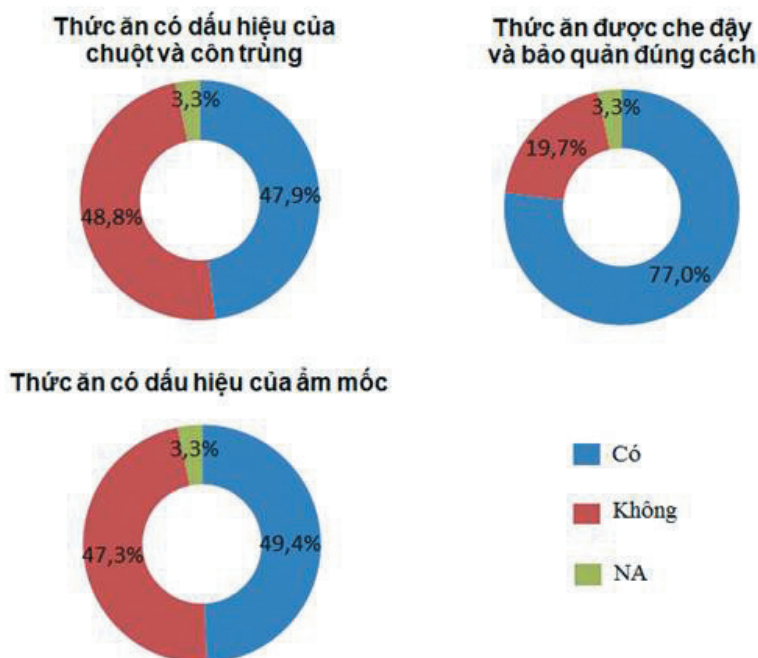
Chỉ tiêu khảo sát	Hưng Yên (% số lần quan sát)	Nghệ An (% số lần quan sát)
Có chất độn chuồng cho lợn con	7,6 ^a	8,6 ^a
Có nguồn sưởi cho lợn con	33,3 ^b	14,2 ^a
Các dụng cụ sử dụng trong chuồng được vệ sinh đúng cách	88,5 ^b	66,3 ^a
Nền chuồng không thấy có chất thải	91,3 ^b	65,1 ^a
Có thức ăn dư thừa xung quanh khu vực cho ăn	25,5 ^b	38,4 ^a
Nước uống được cung cấp đầy đủ cho lợn	74,1 ^b	28,0 ^a
Có hệ thống vòi uống tự động	16,5 ^b	2,3 ^a

Ghi chú: a, b Những chữ số trong cùng một hàng có chữ cái mũ khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)

3.3. Điều kiện lưu trữ thức ăn chăn nuôi

Thức ăn chăn nuôi cũng là một nhân tố quan trọng quyết định sức khỏe của vật nuôi. Tuy nhiên qua quá trình theo dõi, chúng tôi thấy

điều kiện bảo quản thức ăn cho lợn chưa được đảm bảo, có dấu hiệu hoạt động của chuột hay côn trùng (47,9%), thức ăn bị ẩm mốc (49,4%) (Hình 3).



Hình 3. Điều kiện bảo quản thức ăn chăn nuôi

Thức ăn cho lợn phần lớn không được che đậy, không có kho riêng để bảo quản mà thường được để ngay trên nền bếp hoặc cạnh chuồng nuôi. Đây có thể là nguyên nhân dẫn tới thức ăn có dấu hiệu hoạt động của chuột và côn trùng hay bị ẩm. Qua quá trình theo dõi chúng tôi thấy

điều kiện bảo quản thức ăn chăn nuôi tại các hộ chăn nuôi ở cả Hưng Yên và Nghệ An đều không tốt, đặc biệt là ở Nghệ An, thức ăn cho lợn có dấu hiệu hoạt động của chuột bỏ cao hơn so với ở Hưng Yên (Bảng 3).

Bảng 3. Điều kiện bảo quản thức ăn cho lợn tại các hộ ở Hưng Yên và Nghệ An

Chỉ tiêu khảo sát	Hưng Yên (% số lần quan sát)	Nghệ An (% số lần quan sát)
Thức ăn có dấu hiệu của chuột và côn trùng	17,2 ^b	79,8 ^a
Thức ăn được che đậy và bảo quản đúng cách	85,2 ^b	74,3 ^a
Thức ăn có dấu hiệu của ẩm mốc	56,3 ^b	46,3 ^a

Ghi chú: a, b Những chữ số trong cùng một hàng có chữ cái mũ khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)

III. KẾT LUẬN

Từ những kết quả thu được, có thể thấy rằng việc quản lý chuồng nuôi cũng như áp dụng an toàn sinh học tại các hộ chăn nuôi lợn trên địa bàn nghiên cứu còn nhiều hạn chế. Cụ thể như:

- Phần lớn các hộ chăn nuôi không hạn chế người ngoài thăm viếng chuồng.

- Không sử dụng hồ sát trùng hoặc nếu có sử dụng thì cũng không duy trì liên tục.

- Không mặc đồ bảo hộ và đi ủng khi làm việc trong chuồng.

- Lợn con không được cung cấp chất độn chuồng và sưởi trong mùa lạnh.

- Nước uống không cung cấp đủ cho lợn.

- Thức ăn chăn nuôi không được bảo quản hợp lý dẫn tới có dấu hiệu của ẩm mốc và chuột bọ.

Phân tích tiếp sau nghiên cứu này sẽ được tiến hành cùng với nhóm nghiên cứu thuộc Khoa Kinh tế - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, từ đó xác định các giải pháp nhằm tăng cường việc áp dụng an toàn sinh học và quản lý chuồng nuôi tại các hộ chăn nuôi lợn.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được thực hiện dưới sự tài trợ của Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế Úc (ACIAR) và Viện nghiên cứu chăn nuôi quốc tế (ILRI).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amass, S. F. and Clark, L. K. (1999) Biosecurity considerations for pork production units. *Swine Health Prod.*, 7(5), 217-228.
2. Costard, S., porphyre, V., Messad, S., Rakotondrahanta, S., Vidon, H., Roger, F. & PFEIFFER, D. U. (2009) Multivari-

ate analysis of management and biosecurity practices in smallholder pig farms in Madagascar, *Prev Vet Med.*, 92(3), 199-209.

3. GSO (2014) Number of pigs by regions

<http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=390&idmid=3&ItemID=13876>

4. Accessed on November 10, 2014.

Hernandez-jover, H., Schembri, N., Toribio, J.-A. L. M. L. & Holyoake, P. K. (2008) Biosecurity risks associated with current identification practices of producers trading live pigs at livestock sales. *Animal*, 2(11), 1692-1699.

5. Nöremark, M. & Sternberg-Lewerin, S. (2014) *Acta Veterinaria Scandinavica*, 56:28, 11p.

6. Nöremark, M., Frössling, J. & Lewerin S. (2010) Application of routines that contribute to on-farm biosecurity as reported by Swedish livestock farmers. *Transbound Emerg Dis.*, 57(4), 225-236.

7. Sahlström, L., Virtanen, T., Kyyrö J. & Lyytikäinen T. (2014) Biosecurity on Finnish cattle, pig and sheep farms - results from a questionnaire. *Prev Vet Med.*, pii: S0167-5877(14)00220-7.

8. Simon-Grifé, M., Martín-Valls, G.E., Villar-Ares, M. J., García-Bocanegra, I., Martín, M., Mateu, E., Casal, J. (2013) Biosecurity practices in Spanish pig herds: perceptions of farmers and veterinarians of the most important biosecurity measures. *Prev Vet Med.*, 110(2), 223-231.

Nhận ngày 14-10-2015

Phản biện ngày 15-10-2015